



# Summer 2004

## Midterm Exam

The purpose of this mid-term exam is for the school to understand how well and how much the material is being used by students and teachers. Having this information will be valuable in planning next year's material and curriculum.

**Note to Teacher/Examiner:** Please read the instruction carefully. Some portion of the test requires the examiner to read aloud a certain part, while others require students to read by themselves. It is very important that these procedures be followed strictly.

**Note:** It may be expeditious to ask the students themselves to do the scoring. After making sure that no student is grading his/her own paper, the teacher/examiner could walk through the exam and write the answer keys on the board. It may be necessary to spot check to verify correctness.

**Note to Grader:** Please provide the raw score of each test. Do not provide a ranking or sum. Use the format below. Please enter the raw scores and student's last 4 digits of phone number in in the spreadsheet provided here: <http://vyea.org/web/2004/Documents/Exams/MidTermExamRawScore.xls>. If you can please correct the name into standard format (eg. Trần Thị Hoà Janet).

RAW SCORES		
1 -Vocabulary 1	2- Spelling	3-Vocabulary 2

FOR CROSS REFERENCE: LAST 4 DIGITS OF STUDENTS HOME PHONE NUMBER

PLEASE PROVIDE DETAILED NAME IF YOU KNOW IT




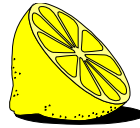
		Family Name with accent marks if Vietnamese	Middle Name in Vietnamese with accent marks if available	First Name in Vietnamese with accent marks if available	Middle Name in English if available	First Name in English if available
Examples	1	Trần	Thị	Hòa		Janet
	2	Bush		Bình	Walker	George
	3	Lê		Hạ-Vinh		Michael
STUDENT'S NAME						

GRADE 4 - PART 1: Vocabulary





(2 point each)

Circle the letter (a, b, c or d) next to the illustration or word equivalent to the given CAPITALIZED word.




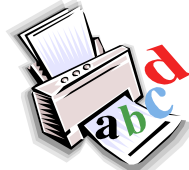
Question 1.1. ĐẬU PHỤNG

a peanut ✓ 	b peas 
c strawberry 	d lemon 

Question 1.2. ĐÈN CÂY

a telephone 	b candle ✓ 
c needle 	d holler 

Question 1.3. MÁY

a candle ✓ 	b weaver 
c engine 	d printer 

Question 1.4. DẦU

a ✓ strawberry	b banana
c plum	d peach

Question 1.5. ẤM

a ✓ warm	b hot
c cold	d freezing

Question 1.6. CẠNH

a far away	b on top
c below	d ✓ next to

Question 1.7. BẾP

a pot	a ✓ kitchen
c pan	d plate

Question 1.8. BAO

a basket	b newspaper
c ✓ bag	d envelope

Question 1.9. WOMAN

a đàn ông	b con gái
c cô giáo	d ✓ đàn bà

Question 1.10. PEA or NUTS

a ✓ đậu	b đậu phụng
c đậu phụ	d khùng

Question 1.11. EASY

a ✓ dễ	b khó
c khác	d quen

Question 1.12. FAMILY

a ✓ gia đình	b bà con
c họ hàng	d anh chị em

Question 1.13. FORK

a dao	b đũa
c ✓ nĩa	d đĩa

Fill in the blank to complete the sentence. Indicate your choice by circling the appropriate letter (a, b, c, or d).

(2 points each)

Question 1.14. Trong đền thờ<sup>3</sup> thường có  và

a. súng và đạn	
b. muống và đĩa	
c. thầy và trò	
d. nhang và chuông	

Question 1.15. Cái nhà thì phải có

a. bàn ghế	
b. cửa sổ	
c. tủ lạnh	
d. mái	

Question 1.16. Đi mua đồ phải chọn lựa vì cái gì cũng có nhiều

a. loại	
b. mùi thơm	
c. trả tiền	
d. đau khổ	

Question 1.17. Cô giáo không  xem ti-vi trong lớp học vì xem ti-vi không học được

a. cấm	
b. biết	
c. được	
d. cho phép	

Question 1.18. Trong nhà xe<sup>4</sup> của nó chỉ có toàn  nên cần dọn dẹp để vất đi.

a. áo, quần và nhện	
b. đồ bỏ đi	
c. đồ vật	
d. dụng cụ	

Question 1.19. Người thông minh thì  giỏi dù được học.

a. diều	
b. đoán	
c. có mặt	
d. học	

Question 1.20. Vì quên đường về nhà nên con chó đi .

a. hoang	
b. hoảng	
c. gấp rút	
d. chơi	

Question 1.21. Các cô Nhất Anh, Mộng Hoa đều từng là  của trường em.

a. cha mẹ	
b. học sinh	
c. hành lang	
d. hiệu trưởng	

<sup>3</sup> đền thờ: temple

<sup>4</sup> nhà xe: garage

## GRADE 4 - Part 2 – Spelling

TEACHER: PLEASE READ ALOUD ALL FIVE WORDS TOGETHER. Then pause, and read aloud the highlighted word and ask the student to find it among the five and circle it.

For grading, each choice will have a different score. The correct choice receives 5 points, others some lesser amount as appropriate.

Question 2.1. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

BA	<b>BÁ</b>	BÀ	BẠ	BÃ
1	5	2	0	2

Question 2.2. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

LY	LI	<b>LE</b>	LÈ	LỄ
0	1	5	2	1

Question 2.3. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

KHÓ	KÓ	<b>KHỒ</b>	NGÓ	CỔ
3	0	5	0	1

Question 2.4. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

<b>BÚA</b>	BỮA	BÓA	BÁU	BOOR
5	3	1	2	0

Question 2.5. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

MỠ	<b>MỠ'</b>	MÃ	MUR	MÓ'
3	5	1	0	2

Question 2.6. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

CHÃ	CHẠ	TRÃ	<b>TRẠ</b>	TRA
1	3	2	5	1

Question 2.7. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

TẮC	TÁT	THÁT	THÁC	<b>TẮT</b>
2	3	1	1	5

Question 2.8. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

NHÀ	NGHÀ	<b>NGÀ</b>	NÀ	NGA
2	3	5	1	2

Question 2.9. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

BAN	BĂN	<b>BẰNG</b>	BANG	BÂN
2	3	5	2	1

Question 2.10. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

<b>CỬA</b>	CỦA	QUẢ	CỎA	CÚA
5	3	1	0	2

Question 2.11. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

ĂN	<b>ANH</b>	AN	ANG	ĂNG
4	5	2	1	2

Question 2.12. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

Tỏi	<b>TỔ</b>	Túi	Tới	Thố
1	5	0	1	2

Question 2.13. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

<b>Khoẻ</b>	Khẻ	Khỏ	Quẻ	Koẻ
5	2	1	2	2

Question 2.14. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

<b>Trên</b>	Chên	Tren	Chen	Tiên
5	2	3	1	1

Question 2.15. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

Toan	<b>Tuân</b>	Toăn	Tân	Tuôn
2	5	2	1	3

Question 2.16. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

Đùi	Đoài	<b>Đòì</b>	Dòì	Dòi
1	3	5	0	2